TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2018/HS-ST
Ngày 14-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H (Tên gọi khác: L), sinh năm 1994 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 3, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H1 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 20/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

2. Nguyễn Quốc C, sinh năm 1992 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 5, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình X và bà Nguyễn Thị Ngọc L; chưa có vợ và con; bị cáo có 2 tiền án: Tại Bản án số 111/2011/HSPT ngày 02/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"*; tại Bản án số 09/2015/HSST ngày 30/3/2015, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 48 tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"*; bị bắt tạm giữ ngày 20/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1983; địa chỉ: 322/27 đường T, tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: 49/10 đường T, Làng K,

phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Võ Thị P, sinh năm 1963; địa chỉ: 132/30 đường P, tổ 11, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1938; địa chỉ: 34/2/23 đường H, tổ 13, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Vũ Nữ Diễm H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Châu Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: 53 đường N, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Hẻm 94/24/34 đường N, tổ 4, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Võ Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Hẻm 543 đường T, tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Anh T, sinh năm 1981; địa chỉ: 18/7 đường T, tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992; địa chỉ: 01 đường Q, tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1980; địa chỉ: 83 đường Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985; địa chỉ: 56 đường T, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1981; địa chỉ: 144 đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: 279 đường N, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Địch N, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Võ Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 5, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Anh H, sinh năm 1986; địa chỉ: 107 đường L, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Hẻm 132/28 đường P, tổ 11, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Hẻm 49/3 đường T, làng K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Trong thời gian từ ngày 01/3/2017 đến ngày 19/10/2017, tại địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, Trần Văn H đã thực hiện 2 vụ cướp giật tài sản và cùng với Nguyễn Quốc C thực hiện 8 vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 01/3/2017, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-615.31 chạy trên các tuyến đường ở thành phố P, với mục đích tìm ai có tài sản thì giật. Khi đi đến trước số nhà 322/11 đường T, H thấy chị Nguyễn Thị Phương M đi bộ từ đường T rẽ vào đường hẻm 322/27 T, trên vai trái có đeo một túi xách màu đen nên H điều khiển xe mô tô áp sát, giật lấy chiếc túi xách của chị M, rồi tăng ga chạy thoát về đến nghĩa địa phường T thì dừng xe lại. Tại đây, H mở túi xách, kiểm tra bên trong thấy có 1 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus; 1 chiếc điện thoại hiệu Masstel bị bể màn hình; 1 ví da nhỏ bên trong có 1 nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ, bề mặt có đính hạt đá màu trắng; 1 tờ tiền mệnh giá 2 USD; 1 tờ tiền Singapore mệnh giá 10 đô la; 1 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Thiều Gia K, 1 giấy chứng minh nhân dân, 1 giấy phép lái xe mô tô, 2 bảo hiểm xe mô tô, 1 thẻ trả lương của Sacombank, 1 thẻ thanh toán của Sacombank, 1 thẻ tín dụng Family của Sacombank và 1 thẻ thành viên của siêu thị Co.op mart đều mang tên Nguyễn Thị Phương M. H lấy 2 chiếc điện thoại, 1 chiếc nhẫn vàng và số tiền đô la, còn các giấy tờ, chiếc túi xách và chiếc ví da thì H vứt lại bên lề đường (không xác định được địa điểm), rồi chạy về nhà. Trên đường đi về, do chiếc điện thoại hiệu Masstel bị bể màn hình không dùng được nên H vứt trên đường đi (không nhớ địa điểm nào), còn chiếc điện thoại Iphone 6S Plus bị cài mật khẩu không mở được nên H đã bán cho một người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) ở gần khu vực bùng binh đường N và đường T, được 3.000.000 đồng. Sau đó, H tiếp tục đem chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ, bề mặt có đính hạt màu trắng đến tiệm vàng Kim V ở số nhà 01 đường Q, tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, bán cho chị Nguyễn Thị Bích N (là chủ tiệm) được 800.000 đồng. Số tiền này, H đã tiêu xài cá nhân hết. Do khách hàng thường xuyên vào mua, bán và thời gian đã lâu nên chị N không xác định được có mua chiếc nhẫn vàng của H bán hay không và tại tiệm của chị N không có chiếc nhẫn như đã nêu trên nên không thu giữ được. Đối với tờ tiền mệnh giá 2 USD và 10 đô la Singapore, H đem về cất giấu trên nóc tủ tivi trong nhà H. Sau khi H bị bắt giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ số tiền này. Do không xác định được người thanh niên đã mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus mà Trần Văn H đã bán là ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị 1.050.000 đồng; chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, sau khi trừ khấu

hao có giá trị 7.500.000 đồng; 10 đô la Singapore có giá trị 159.000 đồng; 2 USD có giá trị 45.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Masstel; chiếc túi xách bằng da, màu đen và chiếc ví da màu nâu, do không thu giữ được và chưa rõ chủng loại, nhãn hiệu, mẫu mã nên Hội đồng định giá không kết luận được giá trị. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Phương M 10 đô la Singapore và 2 USD. Hiện chị M yêu cầu bị cáo H bồi thường 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 21/5/2017, Trần Văn H rủ Nguyễn Quốc C đi dạo trên đường tìm ai có tài sản thì giật, C đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C chạy trên các tuyến đường ở thành phố P. Khi đi đến trước số nhà 49/10 đường T, làng K, phường Đ, thấy chị Nguyễn Thị T đang đứng nói chuyện với chị Nguyễn Thị T là người hàng xóm của chị T, trên cổ chị T có đeo 1 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ. Lúc này, H điều khiển xe chạy áp sát vào chị T; C ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền của chị T, rồi H tăng ga điều khiển xe chở C chạy thoát về nhà H. Sau đó, H đem sợi dây chuyền giật được của chị T đến bán tại một tiệm vàng (không rõ tiệm nào) trên đường Hoàng Văn T được 1.000.000 đồng. Số tiền này, H và C tiêu xài chung hết. Do không xác định được tiệm vàng mà Trần Văn H đã bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được sợi dây chuyền vàng mà các bị cáo H và C đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T.

Qua định giá, kết luận: Sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,2 có giá trị 2.400.000 đồng. Hiện bị hại T yêu cầu các bị cáo H và C bồi thường 3.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 05/6/2017, Trần Văn H rủ Nguyễn Quốc C đi dạo trên đường tìm ai có tài sản thì giật, C đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C chạy trên các tuyến đường ở thành phố P. Khi đi đến trước số nhà 132/30 đường P, tổ 11, phường T, thấy bà Võ Thị P đang đứng bên đường phía trước nhà nói chuyện với bà Nguyễn Thị T là người hàng xóm của bà P, trên cổ bà P có đeo một sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3 chỉ. Lúc này, H điều khiển xe áp sát bà P, C ngồi sau giật lấy sợi dây chuyền trên cổ bà P nhưng không giật được. Cùng lúc này, H nghe có người tri hô *"Cướp dây chuyền"* nên H điều khiển xe chở C chạy thoát về nhà của H.

Qua định giá, kết luận: Sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ có giá trị 6.000.000 đồng. Hiện bà Võ Thị P không yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 23/9/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C đi dạo trên đường, mục đích tìm ai có tài sản thì giật. Khi đi trong hẻm số 131 đường L, thuộc tổ 13, phường P, thành phố Pleiku, thấy bà Phạm Thị T đi bộ ngược chiều, trên cổ bà T có đeo sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 5 chỉ. Lúc này, H điều khiển xe mô tô áp sát bên trái của bà T, C ngồi sau giật lấy sợi dây chuyền của bà T, rồi H điều khiển xe chở C chạy thoát về nhà H. Sau đó, H đem sợi dây chuyền chiếm đoạt của bà T đến tiệm vàng V ở 83 đường Đ, phường D, thành phố P, bán cho anh Hoàng Ngọc H (là chủ tiệm) được

3.800.000 đồng. Số tiền này, H chia cho C 1.000.000 đồng, còn lại 2.800.000 đồng, H cất giữ và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua sợi dây chuyền, anh H đã bán lại cho khách hàng không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Sợi dây chuyền vàng 24K, dạng mắt xích, trọng lượng 5 chỉ có giá trị 17.750.000 đồng. Hiện bị hại T yêu cầu các bị cáo H và C bồi thường 18.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 17 giờ ngày 03/10/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C đi dạo, với mục đích tìm người đi đường có tài sản sơ hở thì giật. Khi chạy đến đường hẻm 01 đường P, phường T, thành phố P, thấy chị Vũ Nữ Diễm H dựng xe trước quán bún đang mở cốp xe lấy chiếc ví da màu đen ra, H vừa chỉ tay vừa nói với C: *"Có cái ví kìa"*. Sau đó, H điều khiển xe chạy áp sát phía bên phải chị H, C ngồi sau giật lấy chiếc ví của chị H, rồi H tăng ga điều khiển xe chở C chạy đến trước trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai, đường L, phường I, thành phố P. Tại đây, C đưa ví cho H rồi điều khiển xe chạy lên trước một đoạn, còn H vào ngồi trong xe taxi (do H lái thuê cho hãng xe H), mở ví kiểm tra bên trong có 2.000.000 đồng, 1 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 1 thẻ ATM mang tên Vũ Nữ Diễm H. H lấy gần 1.900.000 đồng và chiếc điện thoại, số tiền còn lại khoảng hơn 100.000 đồng, H đưa cho C, còn ví da và thẻ ATM thì H mang vứt tại khu vực đồi thông gần trang trại Trăng Non (không nhớ địa điểm nào) nên không thu giữ được. Đến ngày hôm sau, H đem chiếc điện thoại đến tiệm điện thoại H ở số 56 đường T, tổ 1, phường T, thành phố P, bán cho anh Nguyễn Văn P (là chủ tiệm) được 1.000.000 đồng. Sau khi mua chiếc điện thoại do H bán, anh P đã bán lại cho khách hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu giữ được. Số tiền này, H đã tiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã trừ khấu hao có giá trị 1.500.000 đồng. Hiện bị hại Vũ Nữ Diễm H yêu cầu các bị cáo H và C bồi thường 4.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 13 giờ ngày 13/10/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C chạy trên đường N hướng về chợ P, phường P, thành phố P, thấy chị Châu Thị N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH màu kem, biển số 81E1-068.88 đi từ phía sau vượt lên, trong túi áo khoác bên trái của chị N có để 1 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 và lộ ra ngoài nên H chỉ cho C thấy, rồi điều khiển xe chạy theo từ phía sau vượt lên áp sát bên trái xe chị N; C ngồi sau giật lấy chiếc điện thoại của chị N rồi H chở C chạy về nhà H. Sau đó, H đem chiếc điện thoại đến tiệm điện thoại (không nhớ tiệm nào) trên đường T, bán được 1.500.000 đồng. Số tiền này, H chia cho C 500.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng H cất giữ và đã tiêu xài hết.

Qua định giá, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 đã trừ khấu hao có giá trị 1.500.000 đồng. Hiện bị hại N yêu cầu các bị cáo H và C bồi thường 3.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 17 giờ ngày 14/10/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C chạy từ đường N rẽ vào đường L, phường C, thành phố P.

Lúc này, C nhìn thấy chị Nguyễn Thị H đang quét rác bên lề đường bên phải, trên cổ chị H có đeo một kiềng vàng 18K trọng lượng 5,5 chỉ, có mặt hình hoa kết tấm bằng vàng 18K trọng lượng 1,37 chỉ nên C đã nói cho H biết, rồi H điều khiển xe áp sát bà H, cho C ngồi sau giật lấy kiềng vàng trên cổ của chị H, rồi H tăng ga điều khiển xe chở C chạy thoát về nhà H. Sau đó, H đem chiếc kiềng vàng này đến bán tại tiệm vàng (không rõ tiệm nào) trên đường H được 3.000.000 đồng. Số tiền này, H và C chia mỗi người 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Qua định giá, kết luận: Chiếc kiềng đeo cổ, loại hình tròn bằng vàng 18K, trọng lượng 5,5 chỉ có giá trị 11.000.000 đồng; mặt kiềng hình hoa kết tấm bằng vàng 18K, trọng lượng 1,37 chỉ có giá trị 2.740.000 đồng. Hiện bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu các bị cáo H và C bồi thường 15.000.000 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 11 giờ ngày 19/10/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C đi dạo trên đường L hướng đi về xã A. Khi đi đến gần ngã ba đường L và đường T, phường P, thành phố P, H thấy chị Võ Thị H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-855.14 đi trên đường L hướng về bùng binh P trên cổ chị Võ Thị H có đeo 1 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,1 chỉ, mặt dây chuyền được làm bằng con tỳ hưu được bọc miếng vàng 18K trọng lượng 1 chỉ, nên H nói với C: *"Bà kia có sợi dây chuyền kìa"* và chỉ cho C thấy. Sau đó, H điều khiển xe chạy theo phía sau xe bà H đến đường L (đoạn gần bùng binh đường N và đường L), thì H điều khiển xe chạy từ phía sau vượt lên áp sát bên trái, C ngồi sau giật lấy sợi dây chuyền của chị Võ Thị H thì chỉ giật được sợi dây chuyền, miếng ốp mặt dây chuyền bị rơi mất, hình con tỳ hưu đá bị rơi gần ở khu vực chị Võ Thị H đứng nên chị Võ Thị H đã nhặt lại được, còn H chở C bỏ chạy ra đường N hướng về ngã tư Lâm nghiệp. Đến khoảng 13 giờ 47 phút cùng ngày, Trần Văn H và C đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng N ở số 144 đường H, bán cho chị Lê Thị Thu H (là chủ tiệm) được 4.200.000 đồng. Số tiền này, H chia cho C 2.000.000 đồng, còn lại 2.200.000 đồng H cất giữ và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua sợi dây chuyền của H và C, chị Lê Thị Thu H để tại tiệm. Đến ngày 20/10/2017, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra đến làm việc, biết được sợi dây chuyền vàng này là do phạm tội mà có nên chị H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P.

Qua định giá, kết luận: Sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 2,1 chỉ có giá trị 4.200.000 đồng; miếng ốp mặt tỳ hưu bằng vàng 18K trọng lượng 1 chỉ, có giá trị 2.000.000 đồng; hình con tỳ hưu đá có giá trị 120.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chị Võ Thị H sợi dây chuyền nêu trên.

Quá trình điều tra, chị Võ Thị H khai báo: Sợi dây chuyền vàng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả cho chị là đúng sợi dây chuyền mà chị đã bị giật vào ngày 19/10/2017. Tuy nhiên, sợi dây chuyền của chị Võ Thị H bị giật là vàng 18K có trọng lượng 3,1 chỉ. Chị Lê Thị Thu H (là chủ tiệm vàng N) xác định: Khi mua sợi dây chuyền nêu trên thì sợi dây chuyền vẫn còn nguyên vẹn, không bị đứt, mốc khóa có in ký hiệu *"NDJ"* của tiệm vàng, trọng lượng 2,1 chỉ. Do đó, không có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn

Quốc C đã chiếm đoạt sợi dây chuyền như chị Võ Thị H đã khai báo. Hiện chị Võ Thị H yêu cầu các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C bồi thường 5.000.000 đồng, chị Lê Thị Thu H yêu cầu các bị cáo H và C bồi thường 4.200.000 đồng.

Vụ thứ chín: Ngay sau khi giật được sợi dây chuyền của chị Võ Thị H nêu trên, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chở C đi dạo với mục đích tìm người đi đường nào có tài sản sơ hở thì giật. Khi đi đến trước số nhà 29 đường L, tổ 4, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy chị Trần Thị Anh T đang điều khiển xe mô tô biển số 81B1- 155.56, trong túi quần bên trái của chị T có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 trồi ra ngoài, nên H điều khiển xe chạy vượt lên ép sát bên trái xe chị T cho C ngồi sau giật lấy chiếc điện thoại, rồi H điều khiển xe máy chở C chạy về nhà H. Sau đó, C điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 đi về nhà C, còn H đem chiếc điện thoại Samsung A7 cướp giật được của chị T đến tiệm điện thoại H trên đường T do anh Nguyễn Văn P (làm chủ tiệm) để chạy lại chương trình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H đem điện thoại này đến tiệm điện thoại T tại số 279 đường N, phường P, thành phố P, bán cho anh Nguyễn Thanh T (là chủ tiệm) được 5.500.000 đồng. H lấy 4.000.000 đồng chuộc lại điện thoại di động của H đã cầm cố cho anh T trước đó, còn lại 1.500.000 đồng, H và C đã thuê Khách sạn H ở số 107 đường L, phường P, thành phố P (do chị Phạm Thị Anh H làm chủ) để ở, hết 400.000 đồng. Số tiền còn lại 1.100.000 đồng H và C đã tiêu xài chung hết.

Ngày 20/10/2017, Nguyễn Quốc C ra đầu thú. Cùng ngày, Trần Văn H bị bắt khẩn cấp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ của Trần Văn H, gồm: 1 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xám, xanh, số Imel 357401/04/505580/2 và 1 chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy S7, màu vàng; 400.000 đồng và 1 giấy phép lái xe số 640158160816 mang tên Trần Văn H; thu giữ của Nguyễn Quốc C, gồm: 1 xe mô tô biển số 81B1-293.70; 1 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, số Imel 297545; 1 điện thoại di động hiệu Samsung SHVE 330, màu đen và 1 giấy chứng minh nhân dân số 230822334 mang tên Nguyễn Quốc C; thu giữ của anh Nguyễn Thanh T chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7; thu giữ của chị Phạm Thị Anh H 400.000 đồng.

Qua định giá, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 sau khi đã trừ khấu hao có giá trị 5.800.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chị Trần Thị Anh T chiếc điện thoại nêu trên. Hiện chị T và chị H không có yêu cầu gì về dân sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thống nhất như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo.

2. Các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-615.31 mà bị cáo Trần Văn H đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội ở vụ thứ nhất. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe này là của bị cáo H. Vào tháng 5/2017, H đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Địch N là chủ tiệm Honda D, ở số 332 đường H, thành phố P. Sau đó,

anh N đã bán lại cho khách hàng không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-293.70, xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe mô tô này là anh Võ Văn T là anh rể của bị cáo C. Anh T đã cho C mượn chiếc xe mô tô này để đi công việc, sau đó C đã sử dụng xe đi thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì anh T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe này cho anh Võ Văn T.

Quá trình điều tra, xác định: Chiếc điện thoại hiệu Nokia, bị cáo H đã sử dụng để liên lạc với bị cáo Nguyễn Quốc C đi thực hiện hành vi phạm tội; chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 là của bị cáo H nhưng bị cáo đã dùng số tiền 4.000.000 đồng trong số tiền bán chiếc điện thoại Samsung A7 cướp giật của chị T để chuộc lại; 800.000 đồng (trong đó thu giữ của H 400.000 đồng và thu giữ của chị Phạm Thị Anh H 400.000 đồng) là tiền do phạm tội mà có cùng giấy phép lái xe số 640158160816 mang tên Trần Văn H là của bị cáo H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, số Imel 297545, bị cáo C đã dùng chiếc điện thoại này để liên lạc với bị cáo Trần Văn H để đi thực hiện hành vi phạm tội; chiếc điện thoại di động hiệu Samsung SHVE 330 là của bị cáo C không liên quan đến hành vi phạm tội, cùng giấy Chứng minh nhân dân số 230822334 mang tên Nguyễn Quốc C là của bị cáo C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý sau.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Trần Văn H còn khai nhận: Khoảng 13 giờ (không nhớ ngày) vào thời gian đầu tháng 9/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-293.70 chạy trên đường P hướng về ngã ba đường N và đường P. Khi đi đến gần ngã ba đường P và đường N, H thấy một người phụ nữ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision (không rõ biển số) chạy cùng chiều phía trước, trong hộc đựng đồ trên bửng phía bên phải của xe mô tô có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu xám đen. Lúc này, H điều khiển xe chạy vượt lên áp sát phía bên phải xe mô tô của người phụ nữ, dùng tay giật lấy chiếc điện thoại, rồi tăng ga điều khiển xe chạy thoát. Sau đó, H đem chiếc điện thoại đến tiệm điện thoại (không rõ tiệm nào) trên đường T bán được 2.500.000 đồng. Số tiền này, H đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm bị hại nhưng vẫn chưa xác định được ai. Do chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo H mà không có chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ để kết luận H thực hiện vụ cướp giật này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục điều tra xác minh và xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về những kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 103/CT-VKS ngày 29/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "*Cướp giật tài sản*"

được quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Quốc C về tội "*Cướp giật tài sản*" được quy định tại các điểm c, d và i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng các điểm c và d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn H với mức án từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

Đề nghị áp dụng các điểm c, d và i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C với mức án từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo Trần Văn H: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận; bị cáo xin lỗi người bị hại, xin lỗi gia đình. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng bị cáo phạm tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

Bị cáo Nguyễn Quốc C: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét và cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo phạm tội như sau:

Trong thời gian từ ngày 01/3/2017 đến ngày 19/10/2017, tại địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, Trần Văn H và Nguyễn Quốc C đã thực hiện 8 vụ cướp giật, tài sản chiếm đoạt, gồm: 1 sợi dây chuyền bằng vàng 18K trọng lượng 1,2 chỉ; 1 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 5 chỉ; 1 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO; 1 chiếc điện thoại di động Samsung J5; 1 kiềng vàng 18K trọng lượng 5,5 chỉ có mặt hình hoa kết tấm bằng vàng 18K trọng lượng 1,37 chỉ; 1 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,1 chỉ, mặt dây chuyền con tỳ hưu được bọc miếng vàng 18K trọng lượng 1 chỉ; 1 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A7 và 2.000.000 đồng cùng với một số giấy tờ của các bị hại Nguyễn Thị T, Phạm Thị T, Vũ Nữ Diễm H, Châu Thị N, Nguyễn Thị H, Võ Thị H và Trần Thị Anh T. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C đã chiếm đoạt là 57.010.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn H thực hiện 1 vụ cướp giật, tài sản chiếm đoạt gồm: 1 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S; 1 chiếc điện thoại hiệu Masstel bị bể màn hình; 1 ví da nhỏ bên trong có 1 nhẫn bằng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ, bề mặt có đính hạt màu trắng; 1 tờ tiền mệnh giá 2 USD; 1 tờ tiền Singapore mệnh giá 10 đô la; 1 ví da và một số giấy tờ cá nhân của chị Nguyễn Thị Phương M. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Văn H đã chiếm đoạt là 8.754.000 đồng.

Hành vi giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát như đã nêu trên của các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội: *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Văn H đã chiếm đoạt là 65.764.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Quốc C đã chiếm đoạt là 57.010.000 đồng; khi thực hiện hành vi giật tài sản, các bị cáo đã sử dụng xe mô tô - đây là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung, đó là: *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* và *"Dùng thủ đoạn nguy hiểm"* theo quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc C, đã *"Tái phạm nguy hiểm"* chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung: *"Tái phạm nguy hiểm"* theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặc dù các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C không có nghề nghiệp; bị cáo H thực hiện 9 vụ cướp giật tài sản, bị cáo C thực hiện 8 vụ cướp giật tài sản, nhưng các bị cáo không lấy tiền do phạm tội mà có để làm nguồn sống chính nên hành vi của các bị cáo không phạm vào tình tiết: *"Có tính chất chuyên nghiệp"*.

Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của của bị cáo:

Các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm, bị cáo Trần Văn H là người rủ rê khởi xướng và cùng bị cáo Nguyễn Quốc C thực hiện tội phạm.

Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo C có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được chị Vũ Nữ Diễm H xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo C đã ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và đến Công an thành phố P đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về dân sự:

Chị Nguyễn Thị Phương M yêu cầu bị cáo H phải bồi thường 10.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, chiếc túi xách bằng da, màu đen và chiếc ví da màu nâu bị mất. Tuy nhiên, kết quả định giá xác định các tài sản mà chị M bị chiếm đoạt có giá trị 8.754.000 đồng, chị M đã nhận lại 1 tờ tiền mệnh giá 2 USD và 1 tờ tiền Singapore mệnh giá 10 đô la có giá trị 204.000 đồng nên chỉ chấp nhận buộc bị cáo Trần Văn H bồi thường cho chị M 8.550.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 1 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ có giá trị 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo chấp nhận bồi thường cho chị T 3.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị T 1.500.000 đồng.

Bà Phạm Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 1 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 5 chỉ có giá trị 18.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo chấp nhận bồi thường cho bà Phạm Thị T 18.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị T 9.000.000 đồng.

Chị Vũ Nữ Diễm H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại di động hiệu Oppo có giá trị 1.500.000 đồng và 2.000.000 đồng. Khi chiếm đoạt tài sản của chị H, bị cáo H chia cho bị cáo C 100.000 đồng. Vì vậy, bị cáo C phải bồi thường cho chị H 100.000 đồng, bị cáo H phải bồi thường cho chị H 3.400.000 đồng.

Chị Châu Thị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị của 1 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J5 là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, kết quả định giá xác định chiếc điện thoại này giá trị 1.500.000 đồng nên chỉ chấp nhận buộc các bị

cáo bồi thường cho chị N 1.500.000 đồng; bị cáo H phải bồi thường cho chị N 1.000.000 đồng và bị cáo C phải bồi thường cho chị N 500.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị của 1 kiềng vàng 18K trọng lượng 5,5 chỉ, có mặt hình hoa kết tấm bằng vàng 18K trọng lượng 1,37 chỉ là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, kết quả định giá xác định chiếc kiềng này giá trị 13.740.000 đồng nên chỉ chấp nhận buộc các bị cáo bồi thường cho chị H 13.740.000 đồng; mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị H 6.870.000 đồng.

Chị Võ Thị H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị của 1 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,1 chỉ, mặt dây chuyền được làm bằng con tỳ hưu được bọc miếng vàng 18K trọng lượng 1 chỉ là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị H đã nhận lại 1 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,1 chỉ có giá trị 4.200.000 đồng, theo kết quả định giá xác định mặt dây chuyền được làm bằng con tỳ hưu được bọc miếng vàng 18K trọng lượng 1 chỉ này giá trị 2.120.000 đồng nên chỉ chấp nhận buộc các bị cáo bồi thường cho chị H 2.120.000 đồng; bị cáo H phải bồi thường cho chị H 1.120.000 đồng và bị cáo C phải bồi thường cho chị H 1.000.000 đồng.

Bị cáo H phải bồi thường cho chị Lê Thị Thu H 2.200.000 đồng và bị cáo C phải bồi thường cho chị Lê Thị Thu H 2.000.000 đồng.

Chị Võ Thị P và chị Trần Thị Anh T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

[5] Về vật chứng vụ án:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 1 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xám, xanh, số Imel 357401/04/505580/2 của bị cáo H vì bị cáo H đã sử dụng điện thoại này vào việc liên lạc với C đi thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo hưởng lợi 800.000 đồng vì vậy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo H bán chiếc điện thoại Samsung A7 cướp giật của chị Trần Thị A được 5.800.000 đồng và sử dụng 4.000.000 đồng để chuộc lại chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy S7 của bị cáo H, vì vậy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 của bị cáo H.

1 giấy phép lái xe số 640158160816 là tài sản của H không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, vì vậy sẽ tuyên trả cho bị cáo.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 1 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, số Imel 297545 của bị cáo C vì bị cáo C đã sử dụng điện thoại này vào việc liên lạc với H đi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với 1 điện thoại di động hiệu Samsung SHVE 330, màu đen và 1 giấy chứng minh nhân dân số 230822334 mang tên Nguyễn Quốc C là tài sản của C không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, vì vậy sẽ tuyên trả cho bị cáo C.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-615.31 mà bị cáo Trần Văn H đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội ở vụ thứ nhất. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe này là của bị cáo H. Vào tháng 5/2017, H đã bán chiếc xe này cho anh Nguyễn Địch N là chủ tiệm Honda D. Sau đó, anh N đã bán lại cho khách hàng không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-293.70, xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe mô tô này là anh Võ Văn T là anh rể của bị cáo C. Anh T đã cho C mượn chiếc xe mô tô này để đi công việc, sau đó C đã sử dụng xe đi thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì anh T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe này cho anh Võ Văn T.

Đối với chị Nguyễn Thị Bích N, anh Hoàng Ngọc H, anh Nguyễn Văn P, Nguyễn Thanh T và chị Lê Thị Thu H là những người đã mua các tài sản do các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C chiếm đoạt đem đến bán. Tuy nhiên, khi mua thì chị N, anh H, anh P, anh T và chị H đều không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm c và d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn H.

Căn cứ vào các điểm c, d và i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Quốc C.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 5 (*năm*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C 5 (*năm*) năm 6 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Bị cáo Trần Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương M 8.550.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 1.500.000 đồng, bồi thường cho bà Phạm Thị T 9.000.000 đồng, bồi thường cho chị Vũ Nữ Diễm H 3.400.000 đồng, bồi thường cho chị Châu Thị N 1.000.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 6.870.000 đồng, bồi thường cho chị Võ Thị H 1.120.000 đồng và bồi thường cho chị Lê Thị Thu H 2.200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 1.500.000 đồng, bồi thường cho bà Phạm Thị T 9.000.000 đồng, bồi thường cho chị Vũ Nữ Diễm H 100.000 đồng, bồi thường cho chị Châu Thị N 500.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 6.870.000 đồng, bồi thường cho chị Võ Thị H 1.000.000 đồng và bồi thường cho chị Lê Thị Thu H 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 800.000 đồng; 1 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xám, xanh, số Imel 357401/04/505580/2 và 1 chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy S7, màu vàng của bị cáo Trần Văn H; 1 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, số Imel 297545 của bị cáo Nguyễn Quốc C.

Hoàn trả lại cho bị cáo Trần Văn H 1 giấy phép lái xe số 640158160816 mang tên Trần Văn H.

Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc C 1 điện thoại di động hiệu Samsung SHVE 330, màu đen và 1 giấy chứng minh nhân dân số 230822334 mang tên Nguyễn Quốc C.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/8/2018 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P)

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a và c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.682.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.048.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, chị Nguyễn Thị T và bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền